

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24-9-2024
V/v “Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGUYỄN BÌNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Thanh Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Minh Thu

2. Bà Hoàng Thị Lê

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Huệ – Thư ký tòa án Tòa án nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Lương Ngọc Tân – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 về Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXX-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18/9/2024 **giữa các đương sự:**

- Nguyên đơn: Chị **Nông Thị N**; sinh năm 1991

Địa chỉ: P - T - N - Cao Bằng. Có mặt

- Bị đơn: Anh **Lục Văn B**, sinh năm 1985

Địa chỉ: P - T - N - Cao Bằng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nông Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Lục Văn B từ năm 2008 hôn nhân được tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân T1, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì tình cảm vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B nghiện ma túy, cờ bạc, không tu chí làm ăn và thường xuyên đánh đập chị. Vợ chồng sống ly thân từ 2019 cho đến nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng sâu sắc, không có tiếng nói chung. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn đối với anh Lục Văn B.

Về con chung: Chị N xác nhận chị với anh Lục Văn B có 02 con chung là cháu Lục Văn K, sinh ngày 27/3/2009 và cháu Lục Văn D, sinh ngày 03/6/2013, hiện hai cháu đang ở với chị tại P - T - N - Cao Bằng. Sau khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai con cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh B đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lục Văn B đã được Tòa án thông báo hợp lệ về việc thụ lý vụ án và triệu tập nhiều lần nhưng cố tình trốn tránh không hợp tác do đó không tiến hành lấy được lời khai và hòa giải.

Theo biên bản xác minh ngày 29/7/2024 tại xóm P, xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng; ông La Văn T là Trưởng xóm P cho biết: Anh Lục Văn B và chị Nông Thị N hiện nay không còn chung sống với nhau, hai vợ chồng ly thân từ lâu (khoảng năm 2020 cho đến nay). Anh B chị N có 02 con chung là cháu Lục Văn K, sinh ngày 27/3/2009 và cháu Lục Văn D, sinh ngày 03/6/2013, hiện hai cháu đang ở với chị N tại P - T - N - Cao Bằng. Anh Lục Văn B có anh chị em nhưng không có ai cư trú tại xóm P, xã T. Còn bố mẹ thì đều đã chết nên không có ai để liên lạc. Anh B hiện vẫn còn hộ khẩu tại xóm P, xã T tuy nhiên theo như anh T nắm được thì hiện nay anh B đang đi làm thuê ở Quảng Ninh. Tại buổi xác minh, ông La Văn T đã gọi điện trực tiếp thông báo cho anh B về nội dung đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nông Thị N, cũng như thông báo cho anh B về các văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại bản tự khai ngày 12/7/2024, cháu Lục Văn K và Lục Văn D trình bày: các cháu đều có nguyện vọng cùng bố mẹ trong trường hợp bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa sơ thẩm

Nguyên đơn chị Nông Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với anh Lục Văn B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Về thủ tục tố tụng, việc thụ lý vụ án cũng như việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia phiên tòa diễn ra đúng trình tự, thủ tục tố tụng: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ đầy đủ, giao nhận tài liệu đúng theo trình tự pháp luật quy định. Căn cứ hồ sơ vụ án và các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, căn cứ khoản 1

Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Nông Thị N.

- Về con chung: Hai con chung Lục Văn K, sinh ngày 27/3/2009 và cháu Lục Văn D, sinh ngày 03/6/2013, chị N tự nguyện nuôi hai con ăn học không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con. Nếu anh B muốn trực tiếp nuôi dưỡng các con sẽ khởi kiện bằng vụ khác khi cần thiết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Chị Nông Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lục Văn B. Anh B có hộ khẩu và địa chỉ thường trú tại xóm P, xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Bị đơn anh Lục Văn B được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lục Văn B.

[2] *Về quan hệ vợ chồng:* Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 28 Quyền số 01 cấp ngày 11/5/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện N, tỉnh Cao Bằng giữa chị Nông Thị N và anh Lục Văn B, hôn nhân của chị N và anh B là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống hạnh phúc, vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn. Theo chị N do anh B nghiện ma túy, cờ bạc, không tu chí làm ăn và thường xuyên đánh đập chị. Vợ chồng sống ly thân từ 2019 cho đến nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng sâu sắc, không có tiếng nói chung. Quá trình giải quyết vụ án, anh B không hợp tác, nên không ghi nhận được ý kiến của anh B. Tại biên bản xác minh ngày 29/7/2024 thể hiện vợ chồng chị N anh B ly thân đã lâu.

Xét thấy vợ chồng phải có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng tạo dựng hạnh phúc gia đình nhưng trong cuộc sống vợ chồng giữa chị N anh B không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng xa nhau kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; mặt khác anh Lục Văn B cũng biết việc chị N có yêu

cầu ly hôn nhưng không có thiện chí hòa giải tháo gỡ mâu thuẫn giữa hai vợ chồng. Nhận thấy mâu thuẫn giữa hai bên đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, chị N vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh B, do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị N.

[3] *Về con chung*: Chị N xác nhận chị với anh Lục Văn B có 02 con chung là cháu Lục Văn K, sinh ngày 27/3/2009 và cháu Lục Văn D, sinh ngày 03/6/2013, hiện hai cháu đang ở với chị tại P - T - N - Cao Bằng. Sau khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai con cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh B đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B hiện nay không cư trú tại địa phương, cố tình trốn tránh giấu địa chỉ, người thân không biết địa chỉ anh B hiện đang sống ở đâu. Tại bản tự khai ngày 12/7/2024, cháu Lục Văn K và Lục Văn D trình bày: các cháu đều có nguyện vọng cùng bố mẹ trong trường hợp bố mẹ ly hôn.

Từ những nhận định trên, để đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt đối với con chung; trên cơ sở xem xét nguyện vọng; đánh giá toàn diện khách quan về khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con của hai bên. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị Nông Thị N. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh B phải chu cấp nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị N khai vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không có yêu cầu giải quyết. Trường hợp sau khi ly hôn mà phát sinh tranh chấp thì đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] *Về án phí*: Chị Nông Thị N là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng III, có giấy chứng nhận hộ nghèo thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ vợ chồng*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nông Thị N đối với anh Lục Văn B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 28 Quyền số 01 cấp ngày 11/5/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện N, tỉnh Cao Bằng giữa chị Nông Thị N và anh Lục Văn B không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung*: Giao cháu Lục Văn K, sinh ngày 27/3/2009 và cháu Lục Văn D, sinh ngày 03/6/2013 cho chị Nông Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh B phải chu cấp nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Lục Văn B vẫn được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, Không yêu cầu giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Nông Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Nguyên Bình;
- Chi cục THADS huyện Nguyên Bình;
- UBND xã Thành Công;
- TGVPL;
- Đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thanh Chuyên